



## HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân Cư Him Lam,  
Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Fax: +84.28 6298 3490

Website: [www.vietfood.org.vn](http://www.vietfood.org.vn) Email: [info@vietfood.org.vn](mailto:info@vietfood.org.vn)

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 09 năm 2025

### BẢN TIN SỐ 1521

(Lưu hành nội bộ)

# BẢN TIN TRONG TUẦN

(TỪ NGÀY 02/09/2025 ĐẾN NGÀY 08/09/2025)

## AI THI TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI:

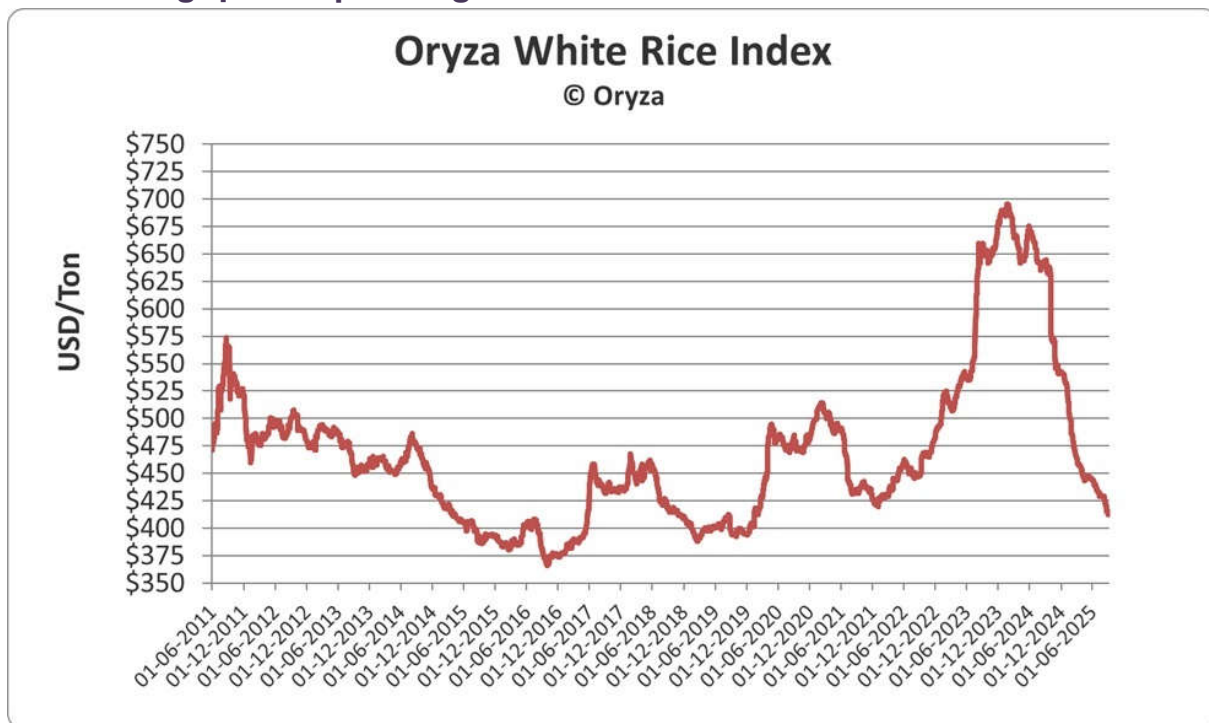
### I. GIÁ GẠO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

**Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)**

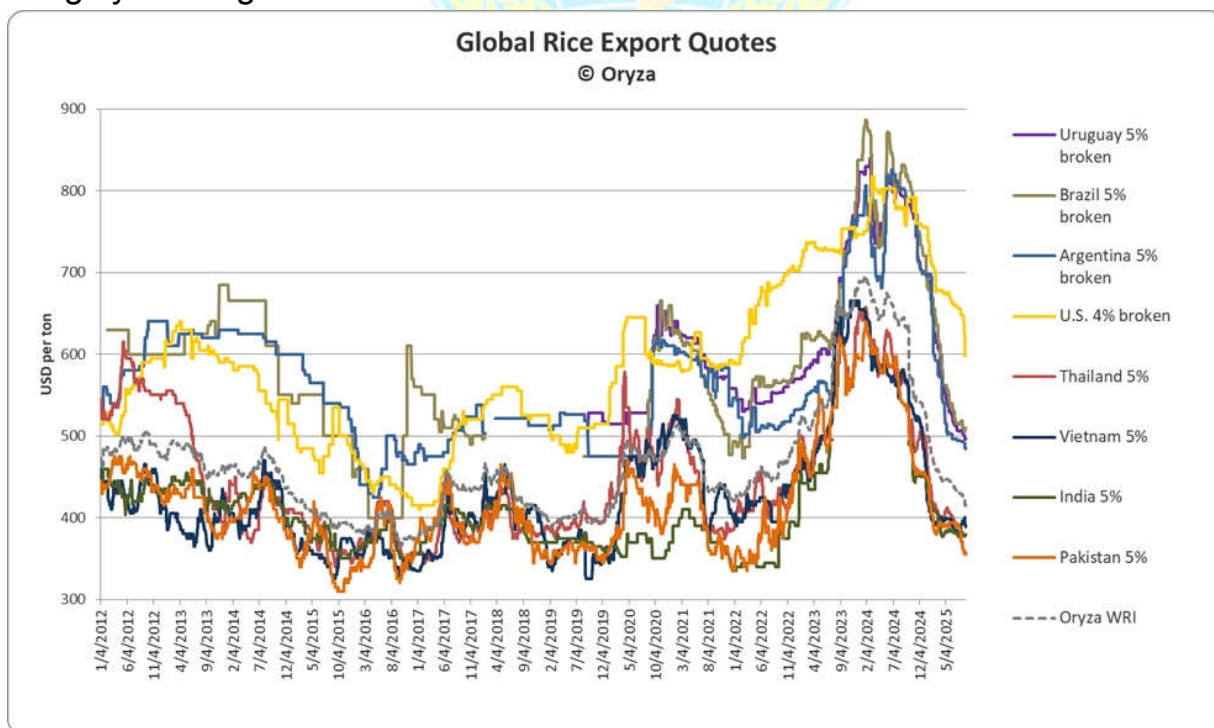
QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	02 – 09		03 – 09		04 – 09		05 – 09	
		min	max	min	max	min	max	min	max
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	363	367	363	367	363	367	363	367
	5% tấm	353	357	353	357	353	357	353	357
	25% tấm	334	338	334	338	334	338	334	338
	Hom Mali 92%	1064	1068	1064	1068	1064	1068	1067	1071
	Gạo đỏ 100% Stxd	363	367	363	367	363	367	364	368
	A1 Super	314	318	314	318	314	318	314	318
VIỆT NAM	5% tấm	379	383	379	383	379	383	378	382
	25% tấm	355	359	355	359	355	359	354	358
	Gạo thơm 5% tấm	450	455	450	455	450	455	450	455
	Jasmine	535	539	535	539	535	539	533	537
	100% tấm	323	327	323	327	323	327	320	324
ẤN ĐỘ	5% tấm	376	380	376	380	376	380	375	379
	25% tấm	361	365	361	365	361	365	359	363
	Gạo đỏ 5% Stxd	361	365	361	365	361	365	359	363
	100% tấm Stxd	324	331	324	331	324	331	324	331
PAKISTAN	5% tấm	347	351	347	351	347	351	353	357
	25% tấm	328	332	328	332	328	332	331	335
	100% tấm Stxd	301	305	301	305	301	305	306	310
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	351	355	351	355	351	355	351	355
MỸ	4% tấm	596	600	596	600	596	600	596	600
	15% tấm (Sacked)	578	642	578	642	578	642	578	642
	Gạo đỏ 4% tấm	858	862	858	862	858	862	858	862
	Calrose 4%	806	810	806	810	806	810	806	810

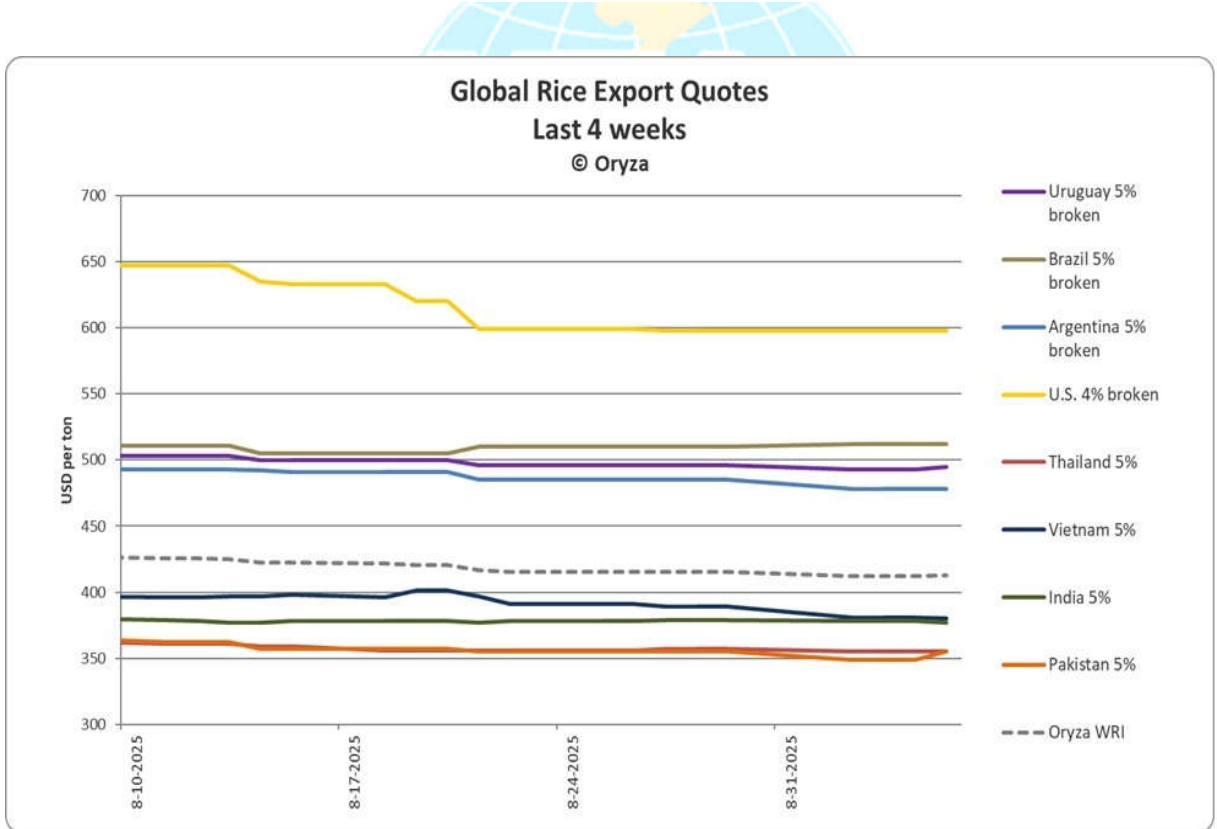
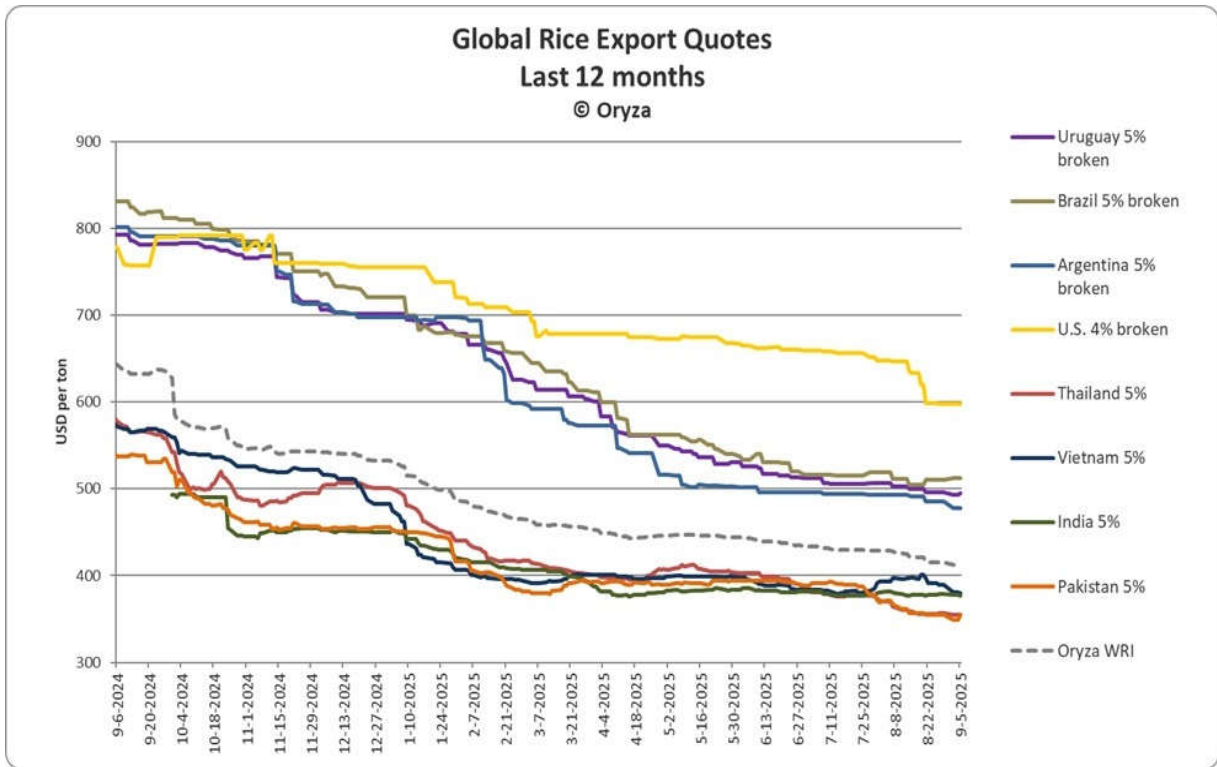
## II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

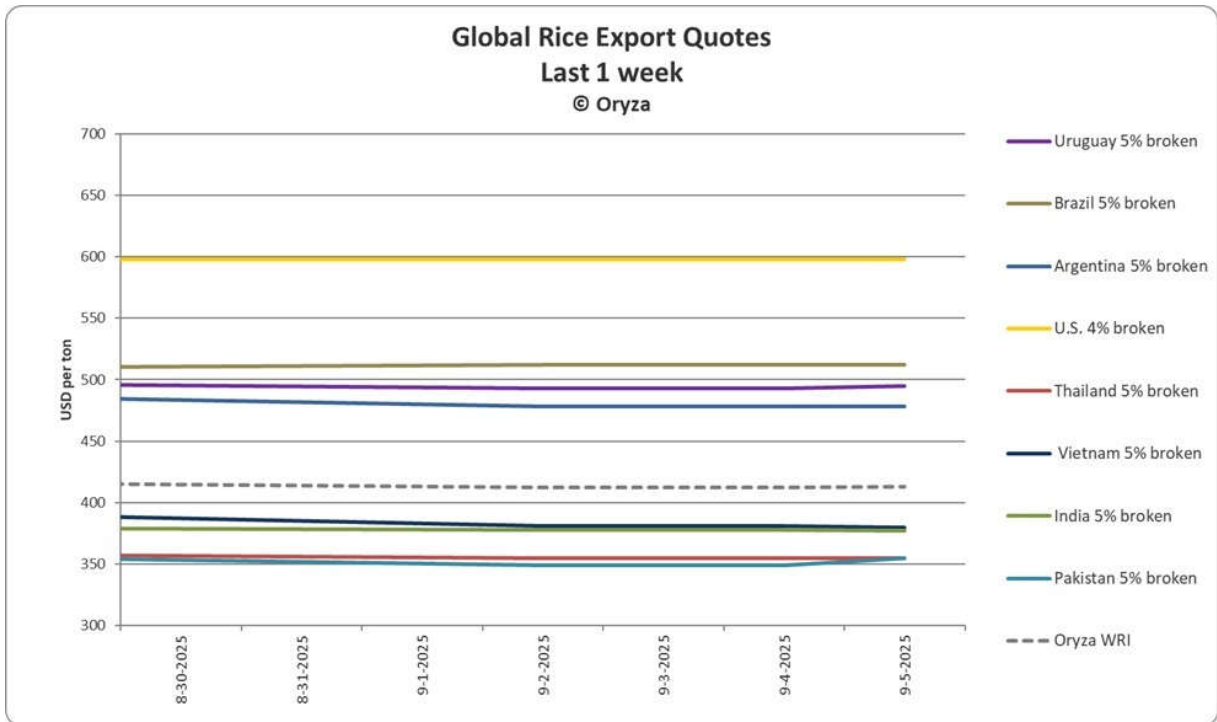
\*Tổng quan thị trường:



Chỉ số gạo trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 413 USD/tấn, giảm 3 USD/tấn so với tuần trước, giảm 16 USD/tấn so với tháng trước và giảm 232 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.







Theo báo cáo AMIS tháng 9 năm 2025, tính đến cuối tháng 8 năm 2025, tình hình sản xuất lúa gạo toàn cầu nhìn chung thuận lợi. Tại Trung Quốc, vụ thu hoạch lúa vụ đơn đã bắt đầu trong điều kiện thuận lợi, trong khi lúa vụ kép muộn tiếp tục phát triển tốt. Ấn Độ đã gần hoàn thành việc cấy lúa vụ Kharif, với diện tích gieo trồng lớn hơn năm ngoái, cho thấy tiềm năng sản lượng sẽ tăng cao. Tại Bangladesh, vụ thu hoạch lúa vụ Aus đang kết thúc khi việc gieo trồng lúa vụ Aman đang diễn ra thuận lợi. Indonesia tiếp tục gieo trồng lúa mùa khô và các vụ thu hoạch sớm đang cho năng suất tốt. Tại Việt Nam, lúa vụ mùa mưa đang phát triển tốt ở miền Bắc trong khi việc gieo trồng vụ chính đang được tiến hành, và ở miền Nam, thu hoạch vụ lúa hè thu đang diễn ra. Thái Lan đã trải qua lũ lụt vào tháng 7 làm thiệt hại lúa mùa mưa ở miền Bắc và miền Trung, và các đánh giá vẫn đang được tiến hành. Tại Philippines, tình hình nhìn chung thuận lợi mặc dù có một số thiệt hại do bão nhiệt đới vào tháng 7, trong khi Nhật Bản báo cáo tình hình phần lớn thuận lợi với hạn hán cục bộ. Trong tương lai, dự kiến diễn ra La Niña vào cuối năm 2025 và Lưỡng cực Ấn Độ Dương (IOD) âm có thể mang lại lượng mưa cao hơn mức trung bình cho khu vực Đông Nam Á và khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, có khả năng thúc đẩy năng suất nhưng cũng làm tăng nguy cơ lũ lụt. Nhìn chung, sản lượng gạo toàn cầu dự kiến sẽ vẫn tăng mạnh và ổn định, chỉ có những thách thức cục bộ liên quan đến thời tiết.

Theo báo cáo Cập nhật Gạo của FAO tháng 9 năm 2025, vào tháng 8 năm 2025, giá gạo Indica toàn cầu đã giảm xuống mức thấp nhất trong 44

tháng qua, với Chỉ số Giá gạo Indica của FAO giảm 2,7% so với tháng trước xuống còn 103,7 điểm, do sự cạnh tranh gay gắt giữa các nhà xuất khẩu lớn. Thái Lan đã giảm giá xuống mức thấp nhất kể từ tháng 3 năm 2017, trong khi Pakistan và Hoa Kỳ chứng kiến mức giảm mạnh 5–7% khi nguồn cung vụ thu hoạch mới được đưa vào thị trường. Giá gạo 5% tấm của Ấn Độ tăng 2%, nhờ vào nhu cầu tăng mạnh từ Châu Phi, trong khi giá gạo 5% tấm của Việt Nam tăng 3% do các thương nhân gấp rút hoàn tất đơn hàng trước khi lệnh tạm dừng nhập khẩu 60 ngày của Philippines có hiệu lực vào tháng 9. Trong số các nhà xuất khẩu chính, giá gạo Pakistan (5%) giảm xuống còn 361 USD/tấn, gạo trắng 100% B của Thái Lan xuống còn 393 USD/tấn, gạo Việt Nam tăng 5% lên 389 USD/tấn và gạo Ấn Độ tăng 5% lên 377 USD/tấn. Nhìn chung, giá gạo Indica toàn cầu vẫn chịu áp lực từ nguồn cung dồi dào và cạnh tranh giá cả gay gắt.

Theo báo cáo Tóm tắt Cung & Cầu Ngũ cốc của FAO tháng 9 năm 2025, thị trường gạo toàn cầu hiện đang đạt mức sản lượng và tồn kho kỷ lục, FAO dự báo sản lượng năm 2025/26 đạt 555,5 triệu tấn và tồn kho cuối kỳ ở mức 214,4 triệu tấn. Thương mại toàn cầu cũng đang mở rộng, dự kiến đạt 61,4 triệu tấn vào năm 2025, nhờ nhập khẩu tăng từ các nước như Bangladesh và Ghana. Tuy nhiên, sự gia tăng nguồn cung này - chủ yếu là do Ấn Độ dỡ bỏ các hạn chế xuất khẩu và giải phóng kho dự trữ khổng lồ - đã khiến giá gạo quốc tế giảm xuống mức thấp nhất trong nhiều năm, với giá gạo 5% tấm của Thái Lan giảm xuống còn khoảng 372 USD/tấn, mức thấp nhất kể từ năm 2017. Mặc dù giá thấp hơn đang làm giảm lạm phát lương thực và mang lại lợi ích cho người tiêu dùng, nhưng chúng lại bóp nghẹt thu nhập của nông dân và tạo ra áp lực tài chính cho các nhà sản xuất trên khắp châu Á.

### Philippines

Bộ Nông nghiệp Philippines đã đảm bảo giá gạo sẽ ổn định bất chấp lệnh cấm nhập khẩu gạo kéo dài 60 ngày có hiệu lực từ ngày 1 tháng 9, với lý do là trong nước đang có vụ mùa bội thu và nguồn cung nhập khẩu dồi dào. Với 2,8 triệu tấn gạo nhập khẩu đã được ghi nhận trong năm nay và dự kiến sẽ còn nhiều hơn nữa, cùng với 9,08 triệu tấn lúa mùa khô và dự kiến 11 triệu tấn lúa mùa mưa. Các quan chức cho biết bất kỳ sự tăng giá nào, nếu có, cũng sẽ ở mức rất nhỏ, với giá gạo nhập khẩu hiện tại ở mức 42–45 peso (0,73–0,78 USD)/kg.

### Indonesia

Bộ trưởng Nông nghiệp Indonesia đã đảm bảo với công chúng rằng nguồn cung gạo vẫn an toàn bất chấp những lo ngại về tình trạng thiếu hụt, đồng thời làm rõ rằng sự sụt giảm lượng hàng bán lẻ gần đây là do sự

chuyển dịch phân phối. Ông nhấn mạnh rằng các nhà máy xay xát gạo quy mô nhỏ, với tổng công suất 116 triệu tấn mỗi năm, có thể đáp ứng hoàn toàn 65 triệu tấn sản lượng lúa chưa xay xát, đảm bảo nguồn cung ổn định ngay cả khi các nhà máy lớn hơn phải đối mặt với tình trạng chậm lại. Để tăng cường an ninh lương thực dài hạn, chính phủ đã ban hành 17 chỉ thị của tổng thống nhằm vào việc quản lý phân bón và phát triển đồng lúa bền vững. Cơ quan Thống kê Indonesia dự báo sản lượng gạo sẽ tăng từ 30 triệu tấn vào năm 2024 lên 31,04 triệu tấn vào năm 2025, nhấn mạnh nguồn cung gạo ổn định và có khả năng phục hồi.

### Hàn Quốc

Chính phủ Hàn Quốc đang tăng cường các biện pháp nhằm kiềm chế giá gạo tăng cao sau khi giá vượt ngưỡng tâm lý quan trọng 60.000 won (43 USD)/20 kg, với giá trung bình đạt 60.294 won vào ngày 2 tháng 9 - tăng 17,2% so với cùng kỳ năm ngoái, theo dữ liệu của KAFTC. Mặc dù giá gạo có giảm nhẹ trong tháng 8 sau các chương trình giảm giá, nhưng đã nhanh chóng phục hồi, với một số siêu thị bán gạo với giá lên tới 70.000–80.000 won. Cơ quan Thống kê Hàn Quốc ghi nhận chỉ số giá gạo tháng 8 tăng 11% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh áp lực tăng giá liên tục do cạnh tranh giữa các nhà phân phối và lượng dự trữ hạn chế. Nhận thấy áp lực lên người tiêu dùng, Bộ Nông nghiệp Hàn Quốc dự kiến sẽ mở rộng trợ cấp trong các chương trình khuyến mãi sắp tới, tăng mức giảm giá hiện tại từ 3.000 won lên 4.000–5.000 won/bao 20 kg để bình ổn giá cả và giảm bớt gánh nặng cho các hộ gia đình.

Sự tăng đột biến này không phải do tình trạng thiếu hụt mà do sự quản lý yếu kém của chính phủ, khi các biện pháp can thiệp mạnh tay - chẳng hạn như mua 360.000 tấn để dự trữ và thêm 262.000 tấn để bảo vệ nông dân - đã làm giảm nguồn cung trên thị trường, đẩy hàng tồn kho của các nhà phân phối xuống và đẩy giá tăng cao. Các yếu tố phức tạp bao gồm chất lượng ngũ cốc kém và sản lượng giảm trong ba năm liên tiếp, trong khi các biện pháp hiện tại của chính phủ như giải phóng 30.000 tấn cho thuê và giảm giá tại siêu thị chỉ mang lại sự cứu trợ ngắn hạn. Cuộc khủng hoảng phơi bày những sai sót trong Đạo luật Quản lý Ngũ cốc của Hàn Quốc, làm nổi bật cách các chính sách nhằm hỗ trợ nông dân đã làm mất ổn định nguồn cung cho người tiêu dùng, nhấn mạnh nhu cầu cấp thiết về dự báo tốt hơn, phân phối linh hoạt và các chính sách cân bằng để bảo vệ cả người sản xuất và người tiêu dùng loại cây lương thực chính này.

### **III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:**

#### **Ấn Độ**

Giá gạo 5% tấm của Ấn Độ hiện được chào bán ở mức khoảng 377 USD/tấn, giảm khoảng 2 USD/tấn so với tuần trước và giảm khoảng 5 USD/tấn so với tháng trước.

Ấn Độ đang tăng cường thúc đẩy xuất khẩu nông sản bằng cách nhắm đến Philippines - quốc gia nhập khẩu gạo lớn nhất thế giới - thông qua phái đoàn các nhà xuất khẩu hàng đầu trong tháng 9, với mục tiêu tăng kim ngạch xuất khẩu gạo khiêm tốn 48,91 triệu USD so với nhu cầu nhập khẩu 2,52 tỷ USD của Manila. Các cuộc đàm phán cũng sẽ bao gồm hành tây, khoai tây, đậu phộng và thịt, với các khách hàng Philippines dự kiến sẽ tham dự Hội nghị Lương thực Thế giới Ấn Độ và Hội nghị Lúa gạo Quốc tế tại New Delhi. Đồng thời, Ấn Độ đang tăng cường quan hệ với khối Cộng đồng Các Quốc gia Độc lập (CIS), nơi xuất khẩu nông sản đã tăng lên 628 triệu USD trong giai đoạn 2024-2025, do Nga dẫn đầu. Dẫn đầu bởi Cơ quan Xúc tiến Xuất khẩu Nông sản và Lương thực Chế biến Ấn Độ (APEDA), những nỗ lực này phản ánh chiến lược của New Delhi nhằm khai thác các thị trường tiềm năng và củng cố sự hiện diện của Ấn Độ trong thị trường thương mại lương thực toàn cầu.

Chính phủ Ấn Độ đã giảm mục tiêu thu mua gạo vụ Kharif 2025-2026 xuống còn 46,35 triệu tấn, giảm so với mức 47,4 triệu tấn của năm ngoái và mục tiêu trước đó là 51,16 triệu tấn, do lượng gạo dự trữ dư thừa của Tổng công ty Lương thực Ấn Độ (FCI). Hoạt động thu mua từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 8 năm 2025 đạt 54,52 triệu tấn so với mục tiêu 58,48 triệu tấn, trong khi Punjab, bang đóng góp nhiều nhất năm ngoái, dự kiến sẽ chứng kiến sản lượng gạo thấp hơn do lũ lụt và mưa lớn ở các bang trọng điểm. Để đa dạng hóa cây trồng và cải thiện dinh dưỡng, Bộ Lương thực cũng đã đặt mục tiêu thu mua 1,92 triệu tấn kê. Bên cạnh đó, các cải tiến dựa trên công nghệ, các sáng kiến trong Hệ thống Phân phối Công (PDS) thông minh và các quy định xay xát gạo chặt chẽ hơn đang được triển khai. Tuy nhiên, triển vọng sản xuất vẫn chưa chắc chắn khi Cục Khí tượng Ấn Độ (IMD) dự báo lượng mưa trong tháng 9 cao hơn bình thường tại các vùng trồng lúa.

USDA dự báo ngành lúa gạo Ấn Độ sẽ đạt sản lượng kỷ lục 151 triệu tấn trong niên vụ 2025/26, nhờ mưa gió mùa phân bố đều và đúng thời điểm, diện tích gieo trồng tăng trên 39,86 triệu ha, và chính phủ tăng thu mua theo chương trình Giá Hỗ trợ Tối thiểu (MSP). Tiêu thụ dự kiến sẽ tăng lên 127 triệu tấn do nguồn cung dư thừa được chuyển hướng sang thị trường nội địa và sản xuất ethanol, trong khi xuất khẩu dự kiến sẽ phục hồi tăng lên 25 triệu

tấn sau khi giảm trong niên vụ 2024/25 do cạnh tranh gay gắt từ Pakistan và Việt Nam. Với lượng tồn kho đầu kỳ là 47 triệu tấn và lượng tồn kho cuối kỳ dự kiến là 46 triệu tấn, Ấn Độ sẽ duy trì nguồn cung dồi dào, mặc dù giá trong nước đã giảm kể từ đầu năm 2025 do thu hoạch kỷ lục và nhu cầu xuất khẩu chậm lại. Triển vọng của ngành vẫn khả quan, nhưng rủi ro từ mưa lớn bất ngờ hoặc hoạt động của bão có thể ảnh hưởng đến năng suất, khiến khả năng cạnh tranh xuất khẩu trở nên quan trọng để giải quyết tình trạng dư thừa và duy trì lợi nhuận cho nông dân.

Liên đoàn các nhà xay xát gạo toàn Ấn Độ đã kêu gọi chính phủ bãi bỏ thuế hàng hóa và dịch vụ (GST) 5% đối với gạo đóng túi có thương hiệu được bán theo túi lên đến 25 kg/bao, lưu ý rằng trong khi hầu hết người tiêu dùng bán lẻ mua gạo theo túi nhỏ chịu thuế GST, thì việc mua gạo số lượng lớn của các tổ chức vẫn được miễn thuế, tạo ra sự mất cân bằng về thuế. Trong một bản ghi nhớ gửi Bộ trưởng Tài chính Liên bang tại Chennai, hiệp hội cũng yêu cầu giảm thuế cám gạo, lập luận rằng GST chỉ nên áp dụng cho các nhà máy chiết xuất bằng dung môi chứ không phải các nhà máy xay xát gạo do các doanh nghiệp vừa và nhỏ điều hành. Ngoài ra, hiệp hội cũng kêu gọi các hướng dẫn về bao bì và nhãn mác rõ ràng hơn để tránh các vấn đề tuân thủ. Lời kêu gọi này phản ánh nỗ lực của ngành nhằm giảm gánh nặng thuế và tăng khả năng cạnh tranh.

### Thái Lan

Giá gạo 5% tấm của Thái Lan hiện được báo giá khoảng 355 USD/tấn, giảm khoảng 2 USD/tấn so với tuần trước, giảm khoảng 15 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 226 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Báo cáo Giá Gạo Thái Lan ngày 4 tháng 8 năm 2025 của USDA Post nhấn mạnh áp lực giảm giá liên tục đối với giá gạo xuất khẩu của Thái Lan do sự cạnh tranh mạnh mẽ từ Ấn Độ và Việt Nam, biến động tỷ giá, nhu cầu yếu, thay đổi thuế quan của Hoa Kỳ và chi phí sản xuất tăng cao. Gạo thơm cao cấp (F WR 100 B) vẫn có giá cao nhất ở mức 1.060 USD/tấn, trong khi các loại gạo chất lượng thấp hơn như gạo trắng 25% đã giảm mạnh xuống còn 332 USD/tấn vào giữa tháng 8. Xuất khẩu gạo từ tháng 6 đến giữa tháng 8 giảm 27-30% so với cùng kỳ năm trước, trong đó lượng gạo xuất khẩu năm 2025 giảm 26,9% so với năm 2024. Để bù đắp thiệt hại cho nông dân do giá gạo thấp và xuất khẩu giảm, Nội các Thái Lan đã phê duyệt gói hỗ trợ ổn định sản xuất lúa gạo trị giá 37,9 tỷ baht (1,2 tỷ USD) cho niên vụ 2025/26, bao gồm hơn 5,49 triệu hộ nông dân trồng lúa. Trong khi đó, mưa lớn do bão nhiệt đới KAJIKI (24-27/8) được dự báo sẽ đe dọa mùa màng, có khả năng làm gián đoạn nguồn cung và xuất khẩu.

## Campuchia

Bộ Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản Campuchia (MAFF) đã cam kết các biện pháp nhằm giảm chi phí sản xuất lúa gạo trong bối cảnh nông dân đang phải vật lộn với giá lúa giảm và thua lỗ ngày càng tăng. Trong khi các quan chức đang nỗ lực cùng nông dân cải thiện hiệu quả sản xuất thông qua công nghệ hiện đại, những thách thức vẫn còn tồn tại từ chi phí năng lượng và xay xát cao, rủi ro từ điều kiện khí hậu, quy mô nông trại nhỏ, cơ sở hạ tầng lạc hậu và tín dụng hạn chế. Với giá lúa giảm xuống dưới 600 riel/kg, nhiều nông dân phải đối mặt với thua lỗ nặng nề và một số người cân nhắc việc di cư tìm việc làm, gây áp lực lên toàn bộ chuỗi cung ứng. Các chuyên gia và Liên đoàn Lúa gạo Campuchia nhấn mạnh sự cần thiết của cả hỗ trợ tức thời, chẳng hạn như trợ cấp và các chương trình giá, cũng như đầu tư dài hạn vào kho bãi, xay xát và đa dạng hóa xuất khẩu để ổn định ngành.

Báo cáo GIEWS mới nhất của FAO dự báo sản lượng lúa gạo của Campuchia trong niên vụ 2025/26 đạt 13,9 triệu tấn, thấp hơn một chút so với sản lượng niên vụ 2024/25 nhưng vẫn cao hơn 10% so với mức trung bình 5 năm. Khoảng 2,7 triệu ha đã được gieo trồng vào tháng 8 năm 2025, nhờ mưa thuận lợi ở các tỉnh miền Nam và miền Trung, trong khi lượng mưa dưới mức trung bình ở miền Bắc đã ảnh hưởng đến việc gieo trồng và sinh trưởng sớm. Vụ mùa khô thứ hai, đóng góp khoảng 30% sản lượng, sẽ được gieo trồng vào tháng 11. Xuất khẩu gạo dự kiến sẽ giảm xuống còn 3,1 triệu tấn vào năm 2025, so với mức kỷ lục 3,4 triệu tấn vào năm 2024 do cạnh tranh toàn cầu gay gắt hơn. Trong khi đó, giá gạo trong nước đã giảm 12–19% so với cùng kỳ năm trước vào tháng 7 năm 2025, phản ánh nguồn cung dồi dào và xuất khẩu chậm lại.

Campuchia đang phải đối mặt với tình trạng thiếu gạo nếp, dẫn đến việc nhập khẩu hơn 80 tấn từ Lào để đáp ứng nhu cầu, do sản lượng trong nước vẫn ở mức thấp, khoảng 10.000 tấn vào năm 2023 - chỉ bằng một phần nhỏ so với sản lượng gần 11 triệu tấn gạo của cả nước. Nông dân đã chuyển hướng không còn chuộng trồng lúa nếp do chu kỳ sinh trưởng dài hơn và nhu cầu thương mại thấp, thay vào đó ưa chuộng các giống lúa năng suất cao, mặc dù lúa nếp vẫn giữ vai trò quan trọng về mặt văn hóa trong các dịp lễ hội như Tết Khmer và Pchum Ben. Liên đoàn Lúa gạo Campuchia lưu ý rằng lúa nếp không phải là lương thực chính ở Campuchia so với nước láng giềng Lào, điều này hạn chế động lực trồng lúa nếp của nông dân. Chính quyền gần đây đã mạnh tay trấn áp nhập khẩu trái phép từ Thái Lan, ngay cả khi nhập khẩu hợp pháp từ Lào vẫn tiếp diễn, cho thấy sự phụ thuộc của Campuchia vào các nước láng giềng. Sự phụ thuộc này, cùng với chiến lược sản xuất tập

trung vào gạo thơm của quốc gia, làm nổi bật một khoảng cách về cơ cấu khiến sản xuất lúa nếp bị giảm sút.

### Pakistan

Giá gạo 5% tấm của Pakistan hiện được niêm yết ở mức khoảng 355 USD/tấn, không đổi so với tuần trước, giảm khoảng 16 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 185 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Báo cáo GIEWS mới nhất của FAO dự báo sản lượng lúa năm 2025 của Pakistan đạt 28,98 triệu tấn, giảm 7,8% so với năm 2024 nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 5 năm. Việc gieo trồng đã hoàn thành vào đầu tháng 8, với việc tái canh ở các khu vực bị lũ lụt, trong khi nhìn chung diện tích gieo trồng vẫn khả quan nhờ giá cả thuận lợi. Mưa lớn và lũ lụt từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2025 đã gây ra thiệt hại đáng kể về mùa màng và sinh kế, đặc biệt là ở phía bắc và tây bắc. Xuất khẩu gạo được dự báo đạt 5,5 triệu tấn, duy trì vị trí là loại ngũ cốc xuất khẩu hàng đầu của đất nước. Tình trạng mất an ninh lương thực đã giảm nhẹ, với 10 triệu người vẫn đang phải đối mặt với tình trạng thiếu lương thực trầm trọng do căng thẳng kinh tế, biến đổi khí hậu và thiệt hại do lũ lụt gây ra đã phá hủy mùa màng, vật nuôi và nguồn dự trữ lương thực.

### IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	01 – 09	02 – 09	03 – 09	04 – 09	05 – 09
Trung Quốc (CNY/USD)	7.14	7.13	7.13	7.13	7.13
Châu Âu (EUR/USD)	0.85	0.86	0.86	0.86	0.85
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	16427.80	16452.66	16456.51	16458.33	16376.40
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4.23	4.23	4.23	4.23	4.22
Philippines Peso (PHP/USD)	57.18	57.28	57.22	57.10	56.64
Hàn Quốc (KRW/USD)	1393.46	1394.90	1389.39	1394.97	1385.64
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	147.28	148.23	147.97	148.64	146.84
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	87.97	88.06	88.06	88.24	88.10
Miến Điện (MMK/USD)	2099.34	2099.14	2099.39	2099.45	2099.50
Pakistan Rupees (PKR/USD)	283.38	283.73	283.48	282.82	283.11
Thái Lan Baht (THB/USD)	32.32	32.32	32.28	32.29	32.03
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26367.04	26344.65	26390.35	26388.29	26400.32

**B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:****I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:****\* Tiến độ sản xuất:**

Tính đến ngày 08/09/2025, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

+ Vụ Hè Thu 2025 đã xuống giống được 1,504 triệu ha (cả cùng phía Nam là 1,886 triệu ha), diện tích thu hoạch được khoảng 1,192 triệu ha, với năng suất 56,54 tạ/ha, sản lượng ước đạt 7,096 triệu tấn lúa.

+ Vụ Thu Đông đã xuống giống được 532 ngàn ha/700 triệu ha diện tích kế hoạch đạt 75,4%, mới bắt đầu thu hoạch được khoảng 19 ngàn tấn.

+ Vụ Mùa đã xuống giống được 36 ngàn ha/219 triệu ha diện tích kế hoạch đạt 17,25%.

**II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU:**

Theo số liệu tổng hợp, lượng xuất khẩu từ ngày 01/08 đến 31/08/2025 đạt 866.943 tấn, trị giá 436,452 triệu USD, so với cùng kỳ về số lượng giảm 3,19% và về trị giá giảm 13,16%. Lũy kế xuất khẩu gạo đến 31/08/2025 đạt **6,374 triệu tấn**, trị giá **3,262 tỷ USD**, so với cùng kỳ 2024 tăng 3,75% về số lượng và giảm 15,12% về trị giá.

**\* Thị trường xuất khẩu tháng 8/2025:**

Thị Trường	Số lượng (tấn)	Trị giá (USD)	Chiếm (%)
Philippines	490.078	237.693.446	56,53%
Ivory Coast	104.997	46.432.234	12,11%
Ghana	75.882	43.220.038	8,75%
China	68.617	35.426.891	7,91%
Malaysia	23.906	11.346.925	2,76%
Singapore	14.614	8.232.721	1,69%
Mozambique	12.426	6.060.559	1,43%
United Arab Emirates	5.012	3.133.463	0,58%
Hongkong	4.938	2.987.032	0,57%
Indonesia	3.526	1.764.901	0,41%
Campuchia	3.323	2.101.298	0,38%
Australia	3.213	2.490.502	0,37%
Senegal	2.554	977.349	0,29%
Saudi Arabia	2.339	1.546.514	0,27%
Netherlands	1.591	1.321.423	0,18%

United States of America	1.503	1.274.384	0,17%
Tanzania	1.300	87.100	0,15%
Taiwan	1.294	815.172	0,15%
Russia	752	326.568	0,09%
South Africa	665	394.784	0,08%
France	551	462.497	0,06%
Poland	368	304.059	0,04%
Angola	326	173.440	0,04%
Spain	265	227.170	0,03%
Ukraine	107	82.834	0,01%
Bangladesh	80	57.893	0,01%
Turkey	50	35.500	0,01%
Các nước khác	42.716	27.510.682	4,93%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>866.943</b>	<b>436.451.879</b>	<b>100,00%</b>

### III. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/09 – 08/09/2025 có 10 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Thới xếp hàng với số lượng dự kiến 107.300 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Panoria	HCM	11/08/2025	43.000	Châu Phi
2	Dancewood SW	HCM	21/08/2025	27.000	Châu Phi
3	Doric Javelin	HCM	21/08/2025	16.500	Châu Phi
4	Hòa Bình 54	HCM	26/08/2025	4.800	Malaysia
5	Hải Âu 28	HCM	30/08/2025	4.900	Philippines
6	Phúc Thuận 89	Mỹ Thới	30/08/2025	4.800	Philippines
7	Hải Hồng Shun	Mỹ Thới	02/09/2025	3.800	Philippines
8	Phúc Thuận 69	HCM	02/09/2025	4.800	Philippines
9	Royal 27	HCM	02/09/2025	13.000	Philippines
10	Amore	HCM	03/09/2025	40.000	Châu Phi
11	Ocean Star	Mỹ Thới	06/09/2025	5.800	Philippines
12	Star 11	Mỹ Thới	06/09/2025	5.700	Philippines
13	TTC An Bình	HCM	06/09/2025	4.000	Malaysia
14	TTC Hải Phòng	HCM	06/09/2025	6.200	Malaysia
15	Eva Londen	HCM	07/09/2025	13.000	Châu Phi
16	Appia	HCM	08/09/2025	11.000	Châu Phi
<b>Tổng</b>				<b>208.300</b>	

#### IV. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	04/09	+/-	04/09	+/-	04/09	+/-	04/09	+/-	04/09	+/-	04/09	+/-	04/09	+/-		
<b>Lúa Tươi Tại Ruộng</b>																
Hạt dài	5.350	-300	5.950	+800	5.250	+300	5.275	+325	5.300	-400	5.750	+400	5.650	+200	5.950	5.504
Lúa thường	5.250	-200	5.750	+700	5.150	+200	5.225	+325	5.225	-350	5.550	+300	5.050	-	5.750	5.314
<b>Lúa Khô/Ướt Tại Kho</b>																
Hạt dài	6.650	-400	7.250	+950	6.500	+350	6.550	+350	6.500	-350			6.850	+200	7.250	6.717
Lúa thường	6.450	-400	7.050	+850	6.200	+250	6.250	+250	6.450	-300			6.050	-	7.050	6.408
<b>Gao Nguyên Liệu</b>																
Lứt loại 1	7.950	+300	8.550	+100	8.050	+125	7.950	+200	8.075	+225			8.850	+200	8.850	8.238
Lứt loại 2	7.850	+300	7.950	-100	7.850	+125	7.850	+175	7.800	+150	7.950	-100	7.750	-	7.950	7.857
Xát trắng loại 1			9.950	+700			9.250	+100	9.350	+200	10.150	+200	10.150	+200	10.150	9.770
Xát trắng loại 2			9.150	-			9.150	+200	9.100	+150	9.150	-	8.950	-	9.150	9.100
<b>Phụ Phẩm</b>																
Tấm 1/2	7.250	-	7.400	-100	7.350	-25	7.250	-200	7.225	-225	7.400	-100	7.150	-	7.400	7.289
Tấm 2/3			7.300	-	7.350	-25			6.950	-200			6.750	-200	7.350	7.088
Tấm 3/4	6.950	+100	7.100	-	7.250	-									7.250	7.100
Cám xát	6.150	-100	6.450	-	6.250	-100	6.250	-200	6.300	-125	6.450	-	6.050	-	6.450	6.271
Cám lau	6.150	-100	6.350	-	6.250	-100	6.250	-200	6.300	-125	6.350	-100	6.150	-	6.350	6.257
<b>Gao TPXK Không Bao Tại Man</b>																
5%	9.100	+300	9.550	-	9.100	-50	9.200	-250	9.700	-150	9.700	-120	9.450	-	9.700	9.400
10%			9.450	-					9.500	-150					9.500	9.475
15%	8.900	+300	9.350	-	8.900	-50	9.000	-250	9.300	-150	9.350	-100	9.150	-	9.350	9.136
20%									9.000	-150					9.000	9.000
25%	8.700	+300	8.750	-	8.700	-50	8.800	+50	8.700	-150	8.800	-50	8.750	-	8.800	8.743

\*\*\*